

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH**

Bản án số: 18/2021/DS-ST

Ngày: 30-3-2021

V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Chung**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trương Hoàng Sơn**;

2. Bà **Mai Thị Kim Thanh**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Phú**, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông **Hoàng Trung Thành** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 297/2020/TLST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2021/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Phước K**, sinh năm 1985; địa chỉ cư trú: Số A, tổ B, đường C, khu phố D, phường H, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của anh K: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1984; địa chỉ cư trú: Số F, đường P, khu phố N, Phường Z, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

Bị đơn: Bà **Trần Mỹ H**, sinh năm 1968 và ông **Trương Văn N**, sinh năm 1970; địa chỉ cư trú: Tổ A, ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 06/10/2020 của anh Nguyễn Phước K, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của người đại diện theo ủy quyền của anh K là anh Nguyễn Văn T trình bày:

Do quen biết vợ chồng bà H, ông N khi anh K buôn bán phân bón ở xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh nên ngày 07/10/2017 anh K có cho bà H, ông N vay số tiền

420.000.000 đồng để trả nợ ngân hàng. Khi vay có làm giấy do bà H, ông N viết và cùng ký tên, thỏa thuận lãi suất 20%/năm, thời hạn vay 20 ngày (có thỏa thuận miệng tối đa 30 ngày nếu ông bà không kịp vay tiền ngân hàng), phần lãi suất do anh K ghi. Từ khi vay đến nay bà H, ông N không trả tiền lãi và tiền gốc cho anh K. Anh K đòi nhiều lần thì ông bà hứa hẹn nhiều lần mà cũng không trả nên anh K mới khởi kiện.

Khi vay tiền bà H, ông N ghi địa chỉ của ông bà trong giấy nợ là Tổ C, ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh nên anh K ghi địa chỉ này trong đơn kiện. Anh K không biết rõ việc bà H, ông N ở Tổ A, ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Anh K yêu cầu giải quyết vụ việc theo địa chỉ chính xác của bà H, ông N ở Tổ A, ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh vì nhà của họ từ trước đến nay vẫn ở địa chỉ này.

Nay anh đại diện cho anh K yêu cầu bà H, ông N cùng có nghĩa vụ trả cho anh K 420.000.000 đồng tiền vay còn nợ; yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày 07/10/2017 đến ngày Tòa án xét xử xong ở cấp sơ thẩm. Ngoài ra, anh K không yêu cầu gì khác.

Bà H và ông N đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc nên không có lời khai.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; không xảy ra vi phạm về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án để xử theo hướng:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh K, buộc bà H và ông N cùng có nghĩa vụ trả lại cho anh K 420.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi theo yêu cầu của anh T tại phiên tòa.

+ Buộc bà H và ông N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng công khai tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh K vắng mặt nhưng đã ủy quyền cho anh T đại diện; bà H và ông N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do; căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh K, bà H và ông N.

[2] Về nội dung tranh chấp: Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của anh K là anh T thay đổi yêu cầu khởi kiện là chỉ yêu cầu Tòa án buộc bà H và ông N trả cho anh K 420.000.000 đồng tiền gốc và 142.900.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 562.900.000 đồng.

[2.1] Xét yêu cầu trả tiền nợ gốc của anh K thấy rằng: Theo Giấy nhận nợ ngày 07/10/2017 do anh K cung cấp thể hiện bà H, ông N có ký tên vay của anh K số tiền 420.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án bà H, ông N đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do; không có tài liệu, chứng cứ chứng minh việc khởi kiện của anh K là không có căn cứ nên phải chịu hậu quả pháp lý do việc không thực hiện được nghĩa vụ chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Từ đó, có đủ căn cứ xác định bà H, ông N có vay của anh K số tiền 420.000.000 đồng theo Giấy nhận nợ ngày 07/10/2017 là có thật. Bà H và ông N là vợ chồng, vay tiền của anh K trong thời kỳ hôn nhân. Vì vậy, cần buộc bà H và ông N cùng có nghĩa vụ trả lại cho anh K số tiền nợ gốc là 420.000.000 đồng là phù hợp với quy định các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và các Điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Xét yêu cầu tính lãi của anh K thấy rằng: Tại phiên tòa, anh T đại diện cho anh K xin thay đổi yêu cầu khởi kiện là chỉ yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 28/10/2017 đến ngày 28/3/2021 là 41 tháng với số tiền làm tròn là 142.900.000 đồng là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Như vậy, cần buộc bà H và ông N cùng có nghĩa vụ trả lại cho anh K tổng số tiền cả gốc lẫn lãi là 420.000.000 đồng + 142.900.000 đồng = 562.900.000 đồng.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bà H và ông N phải chịu 26.516.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên hoàn trả lại cho anh K 15.440.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Phước K đối với bà Trần Mỹ H và ông Trương Văn N về việc tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Trần Mỹ H và ông Trương Văn N cùng có nghĩa vụ trả lại cho anh Nguyễn Phước K 420.000.000 (bốn trăm hai mươi triệu) đồng tiền gốc và 142.900.000 (một trăm bốn mươi hai triệu chín trăm nghìn) đồng tiền lãi, tổng cộng là 562.900.000 đồng (năm trăm sáu mươi hai triệu chín trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án anh Nguyễn Phước K có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án bà Trần Mỹ H và ông Trương Văn N không thi hành số tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án bà Trần Mỹ H và ông Trương Văn N còn phải trả cho người được thi hành án anh Nguyễn Phước K số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Bà Trần Mỹ H và ông Trương Văn N phải chịu 26.516.000 (hai mươi sáu triệu năm trăm mười sáu nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Nguyễn Phước K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho anh Nguyễn Phước K 15.440.000 (mười lăm triệu bốn trăm bốn mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0001172 ngày 12/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (do Nguyễn Văn T nộp thay).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho anh K biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bà H, ông N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Chung